

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đối tượng và dự toán kinh phí thực hiện  
chế độ chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP  
ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 03 năm 2015 của  
Chính phủ về chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ  
các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt  
Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa  
bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm  
2024, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 7052/TTr-STC ngày 25  
tháng 11 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đối tượng và dự toán kinh phí thực hiện chế độ chính  
sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính  
phủ, với các nội dung chính như sau:

- Tổng số đối tượng: 07 người; trong đó:
  - Số đối tượng nghỉ hưu trước tuổi: 01 người.
  - Số đối tượng nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu: 01 người.
  - Số đối tượng nghỉ chờ đã được hưởng kinh phí theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng tại Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh, nay bổ sung kinh phí do mức lương cơ sở tăng lên 2.340.000

đồng từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ: 05 người.

2. Tổng kinh phí phê duyệt: 671.586.000 đồng (*sáu trăm bảy mươi một triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng*); trong đó:

a) Kinh phí cho đối tượng nghỉ hưu trước tuổi: 238.829.000 đồng (*hai trăm ba mươi tám triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn đồng*).

b) Kinh phí cho đối tượng nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu: 232.689.000 đồng (*hai trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

c) Kinh phí bổ sung do tăng lương cơ sở cho đối tượng nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu được phê duyệt tại Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh: 200.068.000 đồng (*hai trăm triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh năm 2024.

(*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính, Sở Nội vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo đúng quy định.

### **2. Giao Sở Tài chính:**

a) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa để thực hiện kiểm tra, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí cho các đơn vị đảm bảo đầy đủ, kịp thời. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có trách nhiệm từ chối theo thẩm quyền các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định hiện hành của pháp luật.

b) Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan để theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện của các đơn vị và tổng hợp báo cáo gửi Bộ Tài chính để quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

3. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị liên quan, phổ biến Quyết định này và hướng dẫn các đơn vị có đối tượng thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, thực hiện trách nhiệm về công bố thông tin và tổng hợp, báo cáo các nội dung về việc thực hiện chính sách này gửi Bộ Nội vụ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và các cơ quan có liên quan theo quy định.

4. Giao Bảo hiểm xã hội tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn về nghiệp vụ và chỉ đạo cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện thực hiện việc thu bảo hiểm xã hội, giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội đối với các đối tượng thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

5. Các đơn vị có đối tượng thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu có trách nhiệm rà soát các đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn để thực hiện các trình tự, thủ tục liên quan theo đúng quy định của pháp luật về tinh giản biên chế và các quy định hiện hành của pháp luật khác có liên quan; quản lý kinh phí được giao và chi trả cho đối tượng thụ hưởng theo đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, công khai, minh bạch và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Thủ trưởng đơn vị thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực nội vụ, tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình.

6. Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Bảo hiểm xã hội tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của các đơn vị có đối tượng thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc những vấn đề vượt thẩm quyền.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đỗ Minh Tuấn**

**Phụ lục số 01:**

**TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC  
HƯỞNG CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2015/NĐ-CP  
NGÀY 09 THÁNG 3 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

STT	Đơn vị	Kinh phí phê duyệt đợt này
	<b>Tổng cộng</b>	<b>671.586</b>
<b>I</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ chính sách theo Nghị định 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ (đợt 2 năm 2024)</b>	<b>471.518</b>
1	Thành phố Thanh Hóa	238.829
2	Thị xã Bỉm Sơn	232.689
<b>II</b>	<b>Kinh phí bổ sung cho đối tượng nghỉ chờ đã được hưởng kinh phí tại Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của UBND tỉnh</b>	<b>200.068</b>
1	Thành phố Sầm Sơn	77.114
2	Huyện Đông Sơn	11.764
3	Huyện Vĩnh Lộc	44.183
4	Huyện Quan Sơn	67.007

**Phụ lục số 02:**

**DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2015/NĐ-CP NGÀY 09 THÁNG 3 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

TT	Họ và tên	Tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ CM đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Phụ cấp công tác Đảng (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đ)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1000 đ)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Tuổi khi giải quyết theo ND 26	Thời điểm nghỉ hưu trước tuổi	Kinh phí thực hiện (1000 đ) theo ND 26/ND-CP					Tiền hỗ trợ đóng BHXH cho đủ 20 năm theo Khoản c, Điều 3
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trong đó Số tháng được tính hưởng hỗ trợ (quy đổi)	Trợ cấp do đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
<b>Tổng</b>																				<b>238.829</b>	<b>70.764</b>		<b>58.970</b>	<b>109.095</b>	
<b>Thành phố Thanh Hóa</b>																				<b>238.829</b>	<b>70.764</b>		<b>58.970</b>	<b>109.095</b>	
1	Nguyễn Ngọc Tuyên	6/1965	ĐH	UV TT. UB MTTQ VN Thành phố Thanh Hóa	4,98	11/2019	0,25	6/2019	10%	11/2024	30%	6/2019	5,41	11/2016	17.425	11.794	38n4th	59t6th	12/2024	238.829	70.764	6	58.970	109.095	9,25

**Phụ lục số 03:**

**DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI NGHỈ CHỜ ĐỦ TUỔI ĐỂ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2015/NĐ-CP NGÀY 09 THÁNG 3 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ CM đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Phụ cấp chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Phụ cấp công tác Đảng (nếu có)		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đ)		Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm nghỉ chờ	Tuổi khi nghỉ chờ	Tháng năm nghỉ chờ		Tổng kinh phí hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ cho đối tượng		
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Theo lương 1.800	Theo lương 2.340				Theo lương 1.800	Theo lương 2.340		Kinh phí nghỉ chờ theo Nghị định 26/2015/NĐ-CP (1000 đ)	Kinh phí hỗ trợ đóng BHXH (20,5% BHXH, 3% BHYT, 0,5% BH TNLD)	
<b>Tổng</b>																								232.689	200.994	31.695	
<b>TX Bim Sơn</b>																									232.689	200.994	31.695
1	Phạm Văn Thương	6/1964	ĐH	PCT UB MTTQ Thị xã Bim Sơn	3,99	12/2022	0,20	6/2024							0,30	4/2014	9.805	12.746	17n5th	6/2024	59t11th	1	15	232.689	200.994	31.695	

**Phụ lục số 04:**

**DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI NGHỈ CHỜ ĐỦ TUỔI ĐỂ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2015/NĐ-CP NGÀY 09 THÁNG 3 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ ĐÃ ĐƯỢC HƯỞNG KINH PHÍ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2813/QĐ-UBND NGÀY 04 THÁNG 7 NĂM 2024 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)*

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ CM đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Phụ cấp chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Phụ cấp công tác Đảng (nếu có)		Mức lương	Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đ)		Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Thời điểm nghỉ chờ	Tuổi khi nghỉ chờ	Tháng năm nghỉ chờ		Tổng kinh phí hỗ trợ	Bổ sung kinh phí do tăng lương từ 1.800 lên 2.340 cho CB, CC nghỉ chờ đủ tuổi được phê duyệt tại Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của UBND tỉnh	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Hệ số	Thời điểm hưởng				Theo lương 1.800	Theo lương 2.340		Theo lương 1.800	Theo lương 2.340
<b>Tổng</b>																									<b>200.068</b>	<b>170.067</b>	<b>30.001</b>
<b>I</b>	<b>TP Sầm Sơn</b>																								<b>77.114</b>	<b>65.758</b>	<b>11.356</b>
1	Trần Văn Mươi	5/1964	ĐH	PCT UB MTTQ Thành phố Sầm Sơn	4,32	8/2021	0,25	5/2017							0,30	01/2011	1800	10.694	13.902	24n5th	6/2024	60t	1	14	51.997	44.914	7.083
2	Trần Ngọc Thanh	01/1964	ĐH	CTUB MTTQ phường Quảng Tiến	3,66	4/2022	0,20	01/2023									1800	6.948	9.032	23n10th	4/2024	60t3th	3	10	25.117	20.844	4.273
<b>II</b>	<b>Huyện Đông Sơn</b>																								<b>11.764</b>	<b>9.763</b>	<b>2.001</b>
1	Lê Kinh Viên	10/1963	ĐH	CT UB MTTQ xã Đông Ninh	4,32	11/2022	0,20	12/2023									1800	8.136	10.577	22n	4/2024	60t5th	3	4	11.764	9.763	2.001
<b>III</b>	<b>Huyện Vĩnh Lộc</b>																								<b>44.183</b>	<b>36.666</b>	<b>7.517</b>
1	Phạm Xuân Ái	5/1964	ĐH	CT UB MTTQ xã Vĩnh Quang	4,65	3/2023	0,20	8/2008									1800	8.730	11.349	26n6th	2/2024	59t10th	5	14	44.183	36.666	7.517
<b>IV</b>	<b>Huyện Quan Sơn</b>																								<b>67.007</b>	<b>57.880</b>	<b>9.127</b>
1	Lữ Thanh Cầu	8/1964	ĐH	Phó CT UB MTTQ huyện Quan Sơn	4,65	11/2022	0,20	01/2014							0,30		1800	11.349	14.754	25n8th	6/2024	59t9th	1	17	67.007	57.880	9.127